

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 14 tháng 7 năm 2023

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH	
ĐẾN	Số: 97-15
	Ngày: 16/8/23
	Chuyên:
	Số và Ký hiệu HS:

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12
năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 23 tháng
3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20
tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày
07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23
tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn
2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-KTNS ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh:

- Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của các chủ đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

- Điều chỉnh kế hoạch giữa các đơn vị: Điều chỉnh giảm 205.443 triệu đồng của 06 danh mục, dự án để bổ sung cho 03 danh mục, dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

- Bổ sung 02 dự án vào danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

2. Vốn ngân sách trung ương:

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

(Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo)

- Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2023-2025 bổ sung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

(Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *Th*

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ CÁC CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
I	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH					
	Điều chỉnh giảm				-91.333	
1	Tuyến đường trung tâm lõi đô thị thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	323/QĐ-BQL; 29/10/2018 267/QĐ-BQL; 18/8/2020	130.080	40.349	-3.589	36.760
2	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	324/QĐ-BQL ngày 29/10/2018; 44/QĐ-BQL ngày 02/3/2021; 386/QĐ-BQL ngày 08/11/2021; 56/QĐ-BQL ngày 03/3/2023	173.890	78.500	-57.744	20.756
3	Tuyến đường liên khu vực kết nối từ tuyến đường đi Nhơn Lý đến khu lõi đô thị	119/QĐ-BQL; 07/5/2020	35.332	35.333	-10.000	25.333
4	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	335/QĐ-BQL; 30/10/2019	66.341	45.000	-20.000	25.000
	Điều chỉnh tăng				91.333	
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 1)	218/QĐ-BQL; 21/7/2021	60.940	0	43.933	43.933
2	Tuyến đường ra Cảng Nhơn Hội, Khu kinh tế Nhơn Hội	268/QĐ-BQL; 19/8/2020	8.643	4.643	400	5.043
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.639 (tuyến Nhơn Hội - Tam Quan) đoạn Km0+450 - Km5+00	218/QĐ-BQL ngày 11/7/2022	20.509	15.000	2.000	17.000
4	Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vịnh mai Hương.	290/QĐ-BQL ngày 07/9/2020; 401A/QĐ-BQL ngày 13/11/2020; 197/QĐ-BQL ngày 07/7/2021.	99.042	79.042	9.000	88.042
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Bãi Rỗi đến trạm bơm tăng áp Nhơn Hội)	321/QĐ-BQL ngày 19/7/2022	76.711	39.000	36.000	75.000
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NNPTNT					
	Điều chỉnh giảm				-99.224	
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	287.803	5.200	-470	4.730
2	Dự án Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	2347/QĐ-UBND; 10/7/2019	20.000	2.597	-2.597	0
3	Cầu kết nối từ Trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	2374/QĐ-UBND; 17/6/2020 449/QĐ-UBND; 03/2/2021	29.986	24.685	-4.356	20.329
4	Dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn	765/QĐ-UBND; 06/3/2020 3793/QĐ-UBND; 15/9/2020	54.900	3.220	-3.151	69

75

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
5	Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít	345/QĐ-UBND; 02/02/2018 4310/QĐ-UBND; 20/10/2020	733.538	110.500	-5.500	105.000
6	Dự án Đường giao thông vào các khu đất sản xuất hồ chứa nước Đồng Mít	3752/QĐ-UBND; 16/10/2019 1158/QĐ-UBND; 2/4/2021 99/QĐ-UBND; 10/01/2023	37.512	510	-364	146
7	Dự án Hệ thống tưới, tiêu Tả Loan	1611/QĐ-UBND; 29/4/2020 45/QĐ-UBND; 06/1/2021	20.060	13.060	-1.085	11.975
8	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan (giai đoạn I)	3021/QĐ-UBND; 28/7/2020	29.685	19.185	-8.816	10.369
9	Dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông Kôn đoạn qua thị xã An Nhơn và sông Cạn, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	995/QĐ-UBND; 23/3/2020 3795/QĐ-UBND; 15/9/2020	54.900	4.490	-2.237	2.253
10	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Đèo 2, xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	64/QĐ-SKHĐT; 02/3/2021 10/QĐ-SKHĐT; 19/01/2022	8.659	9.847	-1.374	8.473
11	Dự án Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận	278/QĐ-SKHĐT; 26/10/2020 358/QĐ-SKHĐT; 29/12/2020	11.630	9.430	-505	8.925
12	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Máy, thị trấn Văn Canh	200/QĐ-SKHĐT; 24/10/2019 359/QĐ-SKHĐT; 30/12/2020 255/QĐ-SKHĐT; 07/9/2021	9.582	8.982	-264	8.718
13	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông An Lão	120/QĐ-SKHĐT; 12/4/2021	7.119	4.119	-629	3.490
14	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh	1268/QĐ-UBND; 09/4/2021	23.962	4.963	-301	4.662
15	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông Kôn	1269/QĐ-UBND; 09/4/2021	19.925	5.926	-1.904	4.022
16	Dự án Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão	93/QĐ-SKHĐT; 19/3/2021	14.897	2.898	-724	2.174
17	Dự án Khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh ngập phía Tây tuyến ĐT.629 trong mùa mưa lũ	1271/QĐ-UBND; 09/4/2021	37.559	7.559	-2.414	5.145
18	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	1418/QĐ-UBND; 20/4/2021	28.000	11.000	-1.381	9.619

Handwritten signatures and initials.

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
19	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở bờ sông An Lão, huyện An Lão	129/QĐ-SKHĐT; 26/4/2021	11.593	1.593	-1.285	308
20	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở đầm Đề Gi kết hợp giao thông, đoạn từ cầu Ngòi đến cảng Đề Gi, huyện Phù Cát	1809/QĐ-UBND; 11/5/2021	48.000	14.000	-1.751	12.249
21	Dự án Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	209/QĐ-UBND; 16/11/2020 952/QĐ-UBND; 25/3/2022	120.684	88.000	-11.928	76.072
22	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở, ngăn lũ sông Lại Giang, đoạn qua khu dân cư Phú An, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn	121/QĐ-SKHĐT; 12/4/2021	13.094	4.095	-2.032	2.063
23	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	2137/QĐ-BNN-XD; 18/5/2021	48.391	18.000	-245	17.755
24	Dự án Hệ thống kênh tưới hồ Đồng Mít	3400/QĐ-UBND; 16/8/2021 1757/QĐ-UBND; 02/6/2022	39.162	39.000	-2.671	36.329
25	Dự án Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích thành đá Tà Kơ và Đường vào suối Tà Má	3872/QĐ-UBND; 20/9/2021 2284/QĐ-UBND; 21/07/2022	17.450	17.500	-1.840	15.660
26	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai cầu Đại Hán, huyện Tuy Phước	406/QĐ-UBND; 9/2/2022	26.467	5.500	-1.400	4.100
27	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	3547/QĐ-UBND; 26/8/2021	113.000	30.000	-17.000	13.000
28	Dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	4148/QĐ-UBND; 07/10/2020	69.766	69.666	-21.000	48.666
	Điều chỉnh tăng				99.224	
1	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định	1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017; 3706/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	1.316.224	14.000	470	14.470
2	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	3044/QĐ-UBND; 21/7/2021 3764/QĐ-UBND; 15/11/2022	316.500	204.000	86.754	290.754
3	Dự án Kênh tưới thôn Thuận Hạnh - Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	3017/QĐ-UBND; 17/9/2022	60.000	38.000	12.000	50.000
III	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DD&CN					
	Điều chỉnh giảm				-52.017	
1	Dự án Cải tạo hệ thống điện của Bệnh viện đa khoa tỉnh	3631/QĐ-UBND; 01/9/2021	28.402	28.400	-3.509	24.891
2	Mở rộng trường Cao Đẳng Bình Định (HM: Nhà thực hành nghề số 1)	659/QĐ-UBND; 25/02/2021	39.950	32.950	-4.669	28.281
3	Nâng cấp mở rộng bệnh viện Đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên)			74.758	-43.839	30.919



7/5/2022

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
	Điều chỉnh tăng				52.017	
1	Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định; hạng mục: khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	2672/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 761/QĐ-UBND; 08/3/2021	129.636	46.519	629	47.148
2	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung; Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	252/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 765/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và 199/QĐ-BQLDA ngày 03/10/2022	59.696	12.550	2.210	14.760
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2 phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1779/QĐ-UBND; 3/6/2022	193.103	10.000	49.178	59.178
IV	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GIAO THÔNG					
	Điều chỉnh giảm				-59.073	
1	Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 - km18+500	2519/QĐ-UBND; 17/7/2017 2078/QĐ-UBND; 19/6/2018 5388/QĐ-UBND; 31/12/2021	1.055.350	89.455	-35.000	54.455
2	Đường Điện Biên Phủ nổi dài (đoạn từ Lâm Văn Tương đến Quốc Lộ 19 mới)	1452/QĐ-UBND; 03/5/2018 1756/QĐ-UBND; 24/5/2019 326/QĐ-UBND; 25/01/2021 1221/QĐ-UBND	125.080	10.000	-10.000	0
3	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082	280.000	-14.073	265.927
	Điều chỉnh tăng				59.073	
1	Đường vành đai khu trung tâm phân mềm và công viên khoa học thuộc khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa	3574/QĐ-UBND; 01/11/2022	79.760	36.112	24.464	60.576
2	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hảo Tây	3425/QĐ-UBND; 31/12/2021 4077/QĐ-UBND; 05/12/2022	76.420	69.000	6.893	75.893
3	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022	336.001	140.000	27.716	167.716
V	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH					
	Điều chỉnh giảm				-3.826	
1	Sửa chữa, cải tạo Khoa sản và Khoa nhi sơ sinh thuộc BVĐK tỉnh Bình Định	172/QĐ-SKHĐT; 22/7/2020	12.622	8.835	-1.823	7.012
2	Dự án: Sửa chữa nhà làm việc, mua sắm trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tại Khoa Nội trung cao và Phòng Khám trung cao thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	4430/QĐ-UBND; 27/11/2019 565/QĐ-UBND; 09/02/2021	14.871	4.427	-466	3.961

Trần Văn An

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh(*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
3	Sửa chữa, chống thấm dột sàn, thay mái tôn và sửa chữa khu vệ sinh các khoa Ngoại tiết niệu, Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương - bỏng và Khoa ung bướu khu nhà 300 giường thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3373/QĐ-UBND; 17/10/2022 227/QĐ-SKHĐT; 29/11/2022	3.747	3.750	-565	3.185
4	Cải tạo, xây dựng hành lang cầu nối kết nối toàn bộ các khoa, phòng và cải tạo cảnh quan sân vườn, đường nội bộ trong khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	300/QĐ-SKHĐT; 05/11/2020	14.976	7.739	-972	6.767
	Điều chỉnh tăng				3.826	
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà Mổ thuộc Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức thuộc dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	29/QĐ-SKHĐT; 22/01/2021	14.778	11.822	869	12.691
2	Cải tạo, sửa chữa khu nhà hành chính, tường rào cổng ngõ của Bệnh viện đa khoa tỉnh	279/QĐ-SKHĐT; 01/10/2021	14.797	11.838	2.957	14.795
VI	TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VSMT NÔNG THÔN					
	Điều chỉnh giảm				-3.402	
1	Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài	4238/QĐ-UBND; 16/12/2022	41.407	42.000	-3.402	38.598
	Điều chỉnh tăng				3.402	
1	Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam huyện Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp, đường ống dẫn nước, phân phối nước sạch dọc tuyến đường ĐT.639 và các tuyến ống nhánh phân phối (cấp nước 02 thôn: Lâm Trúc 1 và Lâm Trúc 2, xã Hoài Thanh)	313/QĐ-SKHĐT; 26/11/2020 05/QĐ-SKHĐT; 10/01/2022	13.534	4.700	2.000	6.700
2	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	4073/QĐ-UBND; 5/12/2022	74.853	54.111	502	54.613
3	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Văn Canh	1435/QĐ-UBND; 28/4/2023	14.985	5.000	900	5.900
VII	UBND HUYỆN PHÙ MỸ					
	Điều chỉnh giảm				-4.179	
1	Trường MG Mỹ Thành (HM: Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng)	214/QĐ-SKHĐT; 24/10/2017	3.006	78	-78	0
2	Trường mẫu giáo xã Mỹ Chánh (HM: NLH 2T 4P)	206/QĐ-SKHĐT; 28/10/2016	3.471	70	-70	0
3	Trường MN thị trấn Bình Dương, HM: NLH 02T 08P	29/QĐ-SKHĐT; 06/3/2019	7.143	603	-453	150
4	Trường Mẫu giáo Mỹ Quang (hm: Xây dựng 03 phòng học và 01 phòng đa chức năng)	366/QĐ-SKHĐT; 31/12/2020	3.834	2.198	-120	2.078
5	Trường THCS Mỹ Trinh, hạng mục: Nhà bộ môn 2 tầng 4 phòng	101/QĐ-SKHĐT; 24//2021	3.146	1.297	-206	1.091
6	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	131/QĐ-SKHĐT; 19/8/2019	2.788	123	-123	0
7	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ	196/QĐ-SKHĐT; 30/6/2021	3.963	1.666	-50	1.616

76 my

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
8	Trạm bơm điện Mỹ Trang, xã Mỹ Châu. Hạng mục: Nâng cấp, xây dựng cụm đầu mối, hệ thống kênh mương và đường quản lý kết hợp dân sinh	3861/QĐ-UBND; 31/10/2016 1137/QĐ-UBND; 05/4/2018	14.918	656	-656	0
9	Mở rộng đường ống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	253/QĐ-SKHĐT; 31/10/2019 110/QĐ-SKHĐT; 27/4/2020	5.183	1.295	-1.036	259
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	4054/QĐ-UBND; 13/10/2019	14.119	4.502	-1.387	3.115
Điều chỉnh tăng					4.179	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nhà Đá - An Lương, huyện Phù Mỹ	147/QĐ-SKHĐT; 17/5/2021 123/QĐ-SKHĐT; 30/6/2022	11.135	4.300	1.419	5.719
2	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	1378/QĐ-UBND; 18/4/2017 2322/QĐ-UBND; 08/7/2019	28.585	4.877	490	5.367
3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	898/QĐ-UBND; 16/3/2017	27.719	11.289	1.056	12.345
4	Nâng cấp, mở rộng đường tránh xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ	1646/QĐ-UBND; 26/5/2022	29.777	12.150	1.214	13.364
VIII UBND HUYỆN VÂN CANH						
Điều chỉnh giảm					-1.243	
1	Trường Mẫu giáo Canh Hiền	75/QĐ-SKHĐT; 09/5/2019	6.901	448	-438	10
2	Trường mầm non xã Canh Vinh (HM 04 phòng lớp học, nhà hiệu bộ)	316/QĐ-SKHĐT; 30/11/2020	6.761	3.300	-109	3.191
3	Trường Mầm non Canh Hiền; HM: XD nhà ăn-bếp, khu vệ sinh, sân bê tông và cổng ngõ tường rào	218/QĐ-UBND; 14/9/2020 260/QĐ-SKHĐT; 13/9/2021	3.630	3.330	-636	2.694
4	Xây dựng công trình đường liên xã Canh Thuận - Canh Hòa (tuyến làng Canh Lành - làng Ká te)	250/QĐ-SKHĐT; 01/10/2020	5.115	398	-60	338
Điều chỉnh tăng					1.243	
1	Trường mầm non Canh Hiệp (HM: Xây dựng Nhà hiệu bộ)	206/QĐ-SKHĐT; 24/8/2020	3.063	824	294	1.118
2	Kè chống sạt lở làng Canh Tân.	245/QĐ-SKHĐT; 30/10/2018 59/QĐ-SKHĐT; 27/4/2022	6.563	3.100	949	4.049
IX UBND THỊ XÃ AN NHƠN						
Điều chỉnh giảm					-8.110	
1	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa, phường Nhon Hưng, thị xã An Nhơn	3826/QĐ-UBND; 22/10/2019	14.465	3.137	-215	2.922

TC VCC

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
2	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc Đề án Phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An	5168/QĐ-UBND; 18/12/2020	19.778	4.827	-486	4.341
3	Trường Tiểu học số 2 Nhơn Thành (điểm Phú Thành) 02 tầng 06 phòng học	102/QĐ-SKHĐT; 24/3/2021	3.069	613	-181	432
4	Trường Tiểu học số 2 Đập Đá (02 tầng 06 phòng chức năng)	27/QĐ-SKHĐT; 22/01/2021	4.322	1.774	-74	1.700
5	Trần phần lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng trũng Lỗ Ổi), thị xã An Nhơn	4011/QĐ-UBND 30/10/2019; 5051/QĐ-UBND; 12/12/2021	24.954	4.532	-659	3.873
6	Đê đội 12 khu vực Vạn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	2944/QĐ-UBND; 22/8/2019 2474/QĐ-UBND; 23/6/2020 2474/QĐ-UBND; 23/6/2020	13.826	3.545	-1.044	2.501
7	Cầu Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	1682/QĐ-UBND; 17/5/2019	69.087	20.052	-5.451	14.601
Điều chỉnh tăng					8.110	
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa	3278/QĐ-UBND; 07/9/2017 3170/QĐ-UBND ngày 05/9/2019	32.638	2.533	1.672	4.205
2	Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	4065/QĐ-UBND; 31/12/2022	104.698	29.278	779	30.057
3	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, hạng mục: Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	3907/QĐ-UBND; 22-09/2021	60.921	18.000	5.659	23.659
UBND THỊ XÃ HOÀI NHƠN						
Điều chỉnh giảm					-3.618	
1	Hệ thống thoát nước dọc tường rào phía Tây trụ sở làm việc Công an thị xã Hoài Nhơn	307/QĐ-SKHĐT; 09/11/2021	2.710	2.800	-106	2.694
2	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Quốc lộ 1 cũ, thị trấn Bồng Sơn	3230/QĐ-UBND; 21/9/2018 2117/QĐ-UBND; 01/6/2020 138/QĐ-UBND; 13/01/2022	14.075	5.182	-3.181	2.001
3	Trường Mầm non Hoài Hương - hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	265/QĐ-SKHĐT; 30/10/2018	4.955	2.393	-331	2.062
Điều chỉnh tăng					3.618	
1	Trường Tiểu học số 1 Hoài Hương - Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 12 phòng (06 phòng học + 06 phòng bộ môn) và Nhà hiệu bộ, thị xã Hoài Nhơn	132/QĐ-SKHĐT; 02/6/2020	9.998	3.252	157	3.409
2	Trường THCS Đào Duy Từ, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	176/QĐ-SKHĐT; 14/6/2021	7.009	3.051	175	3.226
3	Kè từ kho Dầu đến cồn ông Phong, HM: Bổ sung đoạn kè dài khoảng 1.300m	4842/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, 2948/QĐ-UBND ngày 22/8/2019, 4422/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	14.673		3.286	3.286
XI SỞ NNPTNT						



Handwritten signature/initials.

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương/dự án đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-731	
1	Dự án Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	1426/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2012 và QĐ điều chỉnh 3544/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	188.800	2.500	-250	2.250
2	Trạm Kiểm lâm Bắc sông Kôn	256/QĐ-SKHĐT; 31/10/2019	948	1.000	-98	902
3	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm lâm Đồng Le, huyện Tây Sơn	258/QĐ-SKHĐT; 07/9/2021	1.148	1.260	-230	1.030
4	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	267/QĐ-SKHĐT; 20/10/2020 191/QĐ-SKHĐT; 22/6/2021	4.506	3.293	-153	3.140
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				731	
1	Cải tạo, sửa chữa cảng cá Đê Gi	1343/QĐ-UBND; 24/4/2023	4572,85		731	

Ghi chú: (*) Không phân biệt nguồn vốn

Thư *Ưng*

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)
		Số quyết định, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư			
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-205.443	
1	Xây dựng nhà ở xã hội cho người nghèo			50.000	-50.000	0
2	Xử lý thanh toán các công trình quyết toán			200.000	-50.000	150.000
3	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	240/QĐ-SKHĐT; 16/8/2021 70/QĐ-SKHĐT; 06/05/2022	6.378	6.410	-352	6.058
4	Tuyến đường trung tâm lõi đô thị thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	323/QĐ-BQL 29/10/2018; 267/QĐ-BQL 18/8/2020	130.080	36.760	-34.212	2.548
5	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022	795.559	281.995	-70.000	211.995
6	Cải tạo nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bãi biển Quy Nhơn khu vực dọc tuyến đường Xuân Diệu và An Dương Vương (từ Lý Chiêu Hoàng đến Khách sạn Hoàng Gia)	4571/QĐ-UBND; 05/11/2020	24.059	10.592	-879	9.713
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				205.443	
1	Đổi ứng thực hiện các CTMTQG			200.000	50.000	250.000
2	Bảo tàng tỉnh Bình Định			0	75.000	75.000
3	Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu			0	80.443	80.443

Ghi chú: (*) Không phân biệt nguồn vốn



[Handwritten signature]

Phụ lục 03

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC
KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN
CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu cải tạo phục vụ GPMB dự án Khu đô thị Nam đường Hùng Vương và các dự án khác trên địa bàn thành phố Quy Nhơn
2	Bồi thường GPMB dự án tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19C đến khu công nghiệp đô thị Becamex A (phần khu 7) Khu kinh tế Nhơn Hội (phần nằm ngoài Khu công nghiệp Becamex)

Trần Văn

Phụ lục 04

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo			
	<i>Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>			
	Điều chỉnh giảm		-26.068	
+	Công trình giao thông	19.000	-19.000	-
1	Cầu Sông Vồ 2	19.000	-19.000	-
+	Nước sinh hoạt	1.500	-1.500	-
1	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt Thôn 5, xã An Vinh	1.500	-1.500	-
+	Công trình điện	5.568	-5.568	-
1	Xây dựng lưới điện 3 pha đến xã An Vinh	3.318	-3.318	-
2	Xây dựng lưới điện 3 pha đến xã An Hưng	2.250	-2.250	-
	Điều chỉnh tăng		26.068	
-	Công trình giao thông	57.000	26.068	83.068
1	Cầu Bến Nhon	28.000	17.000	45.000
2	Cầu Sông Đĩnh	29.000	9.068	38.068



Handwritten signatures and initials.

**PHÂN KHAI CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2023-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	TỔNG CỘNG					32.860
A	BÓ TRÍ CHO XÃ NÔNG THÔN MỚI					23.685
1	HUYỆN TUY PHƯỚC		42.920	10.282	32.638	2.070
1	Xã Phước Quang		9.998	1.620	8.378	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn					
	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây	3557/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện	9.998	1.620	8.378	230
2	Xã Phước Thành		3.000	869	2.131	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 5: Trường học					
	Nâng cấp trường Trung học cơ sở Phước Thành		3.000	869	2.131	230
3	Xã Phước Thuận		5.068	1.020	4.048	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: 5 - Trường học					
	San nền, mở rộng khuôn viên và xây dựng tường rào, cổng ngõ Trường mầm non Phước Thuận		5.068	1.020	4.048	230
4	Xã Phước Hưng		3.000	1.413	1.587	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Thâm nhựa đường xã từ ĐT 636 đến UBND xã		3.000	1.413	1.587	230
5	Xã Phước Nghĩa		1.476	534	942	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Đường Thọ Nghĩa – Luật Chánh (Tuyến nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kinh tế - Giáp thôn Luật Chánh, Phước Hiệp)		1.476	534	942	230
6	Xã Phước An		6.000	1.413	4.587	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Văn hóa					
	xây dựng chợ trung tâm xã		6.000	1.413	4.587	230
7	Xã Phước Hiệp		7.178	937	6.241	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					

Thư ký

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Bê tông nhựa tuyến đường liên xã từ ĐH42 Phước Hiệp đến ĐT640 Phước Sơn	440/QĐ-UBND huyện ngày 06/7/2021; 21/01/2022	7.178	937	6.241	230
8	Xã Phước Thắng		2.200	1.063	1.137	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Nâng cấp đường GTND từ 631 đi công Tăng Thực		600	272	329	30
	Nâng cấp mặt bằng đường giao thông thôn Đồng Điền		900	450	450	100
	Nâng cấp đường giao thông từ công ông Quý đi đội 2 Lạc Điền		700	342	359	100
9	Xã Phước Sơn		5.000	1.413	3.587	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: 16 Văn hoá					
	Sửa chữa nhà văn hóa xã Phước Sơn		5.000	1.413	3.587	230
2	HUYỆN PHÚ CÁT		64.024	18.332	45.692	3.450
1	Xã Cát Thành		2.200	467	1.733	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dẫn từ đập dâng Cầu Điều đến giáp đường ĐT639	CV Số 2055, 30/11/2022	2.200	467	1.733	230
2	Xã Cát Tường		1.536	570	966	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Điện					
	Cải tạo đường dây điện 0.4kw xóm Phú Tài thôn Phú Gia (150m)		380	280	100	90
	Tiêu chí: Giao thông					
	Đường bê tông xi măng GTNT xã Cát Tường. Tuyến từ Ngõ Sĩ đến QL 19B	QĐ số: 530, 22/10/2019	1.156	290	866	140
3	Xã Cát Chánh		2.190	1.043	1.147	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giáo dục					
	Trường Mẫu giáo bán trú Chánh hội, xã Cát Chánh; Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng học		1.640	820	820	207
	Tiêu chí:Giao thông					
	Bê tông GTNT xã Cát Chánh, Tuyến: ĐT 659- Trường Tiểu học; Miếu xóm 5- nhà bà Rơi; Trường Chánh Hữu- nhà bà 3.3.2022		550	223	327	23
4	Xã Cát Tân		8.500	1.413	7.087	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí số 2: Giao thông					
	Đường bê tông liên xã từ xã Cát Tân qua xã Cát Tường; Hạng mục: Cầu và đường dẫn đầu cầu	170/UBND-TC, ngày 13/02/2023	8.500	1.413	7.087	230
5	Xã Cát Tài		8.309	2.905	5.405	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					

Thư ký

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Tiêu chí: Giao thông					
	Sửa chữa, mở rộng đường GTNT xã Cát Tài. Tuyến: Từ ĐT 633 (cây số 7) đến nhà văn hóa thôn Thái Bình.	356/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	8.309	2.905	5.405	230
6	Xã Cát Lâm		1.928	789	1.139	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: giao thông					
	Đường BT XTM GTNT xã Cát Lâm, Tuyến: Kéo tiếp tuyến đường từ ngã tư nhà văn hóa thôn Thuận Phong (ĐT 638) đến nhà Văn Hóa thôn Thuận Phong.		1.928	789	1.139	230
7	Xã Cát Sơn		2.431	1.195	1.236	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Mở rộng đường trục xã tuyến ĐT 634 - Đèo Ngụy Thôn Thạch Bàn Đông đoạn từ Cầu Sông đến nhà Văn hóa Thôn Thuận Phong.	355 ngày 3/11/2022	1.322	660	662	60
	Đường BT XTM GTNT xã Cát Sơn, tuyến đường trục xã ĐT 634 - Đèo Ngụy điểm cuối đường BT đoạn nhà Ông Lãnh - Đường BT XTM ở xã Cát Sơn, hạng mục 1: Từ đường ĐT 634 đến Đồng Cây Chanh; Hạng mục 2: Đường Cấp phối bê tông nhựa.	356 ngày 3/11/2022	654	327	328	142
	Đường BT XTM ở xã Cát Sơn, hạng mục 1: Từ đường ĐT 634 đến Đồng Cây Chanh; Hạng mục 2: Đường Cấp phối bê tông nhựa.	349 ngày 3/11/2022	455	208	247	28
8	Xã Cát Hải		6.400	1.413	4.987	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Y tế					
	Xây dựng mới trạm y tế xã Cát Hải		6.400	1.413	4.987	230
9	Xã Cát Hiệp		3.000	937	2.063	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Đường GTNT xã Cát Hiệp. Tuyến từ vườn ươm Năm Chung đi ĐT 638B		3.000	937	2.063	230
10	xã Cát Thăng		1.156	230	926	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Thủy lợi					
	Kiên cố hoa kênh mương xã Cát Thăng; Tuyến: Từ cầu 4 Hồ cũ đến Đám Rào giáp mương 3 Huyện	235/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	1.156	230	926	230
11	Xã Cát Trinh		1.182	537	645	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giáo dục					
	Tên công trình: Trường Tiểu học số 2 Cát Trinh (trên đường An Đức). Hạng mục xây dựng mới 02 phòng học và phòng chức năng.		1.182	537	645	230
12	Xã Cát Minh		3.250	937	2.313	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Đường BTXM giao thông nông thôn nội đồng từ Suối Trương đến mương Bến Chiểu		3.250	937	2.313	230
13	Xã Cát Hưng		13.559	2.230	11.329	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					



Handwritten signature and initials.

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>					
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường UBND xã - Hồ Mỹ Thuận	30/23/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	13.559	2.230	11.329	230
14	Xã Cát Hanh		7.733	3.437	4.296	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>					
	Công trình: Xây dựng hoa viên công viên cây xanh và hệ thống thoát nước	495/QĐ-UBND, ngày 04/10/2022	7.733	3.437	4.296	230
15	Xã Cát Nhơn		650	230	420	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>					
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến: Từ nhà Trần Thọ đến nhà Lê Văn Thiên thôn Chánh Nhơn		650	230	420	230
3	THỊ XÃ HOÀI NHƠN		15.629	3.881	11.748	1.380
1	Xã Hoài Sơn		1.150	230	920	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>					
	Hệ thống thoát nước hai bên tuyến đường trục chính xã Hoài Sơn (Đoạn từ Ngõ Vàng – Ngã Ba Đình)	3249/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.150	230	920	230
2	Xã Hoài Phú		2.000	637	1.363	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Văn hoá</i>					
	Xây dựng Sân vận động trung tâm xã (giai đoạn 3)		2.000	637	1.363	230
3	Xã Hoài Mỹ		1.478	480	998	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM đoạn từ nhà Thế đến nhà Văn thôn Định Công		878	300	578	150
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến đường từ trường An Nghiệp đến nhà ông Lâm Văn Chín		600	180	420	80
4	Xã Hoài Châu Bắc		5.000	1.134	3.866	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: y tế</i>					
	Trạm y tế xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn	102/QĐ-SKHĐT ngày 20/08/2022	5.000	1.134	3.866	230
5	Xã Hoài Châu		3.311	530	2.781	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	<i>Tiêu chí: Môi trường</i>					
	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đội Thuế - Ngõ Hồng	2369/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	3.311	530	2.781	230
6	Xã Hoài Hải		2.689	870	1.819	230
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					

Thư *MAU*

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Tiêu chí: Giao thông					
	Thâm bê tông nhựa tuyến đường xã, đoạn từ Bưu điện xã Hoài Hải đến giáp ngã ba rừng dương		2.689	870	1.819	230
4	THÀNH PHỐ QUY NHƠN		23.742	2.858	20.884	920
1	Xã Phước Mỹ		4.400	878	3.522	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp GTNT xóm 4 thôn Long Thành, xã Phước Mỹ		4.400	878	3.522	230
2	Xã Nhơn Lý		14.503	1.520	12.983	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 17: Môi trường					
	Cải tạo, nâng cấp, xử lý ngập úng tại một số vị trí trên địa bàn xã Nhơn Lý	1171/QĐ-UBND ngày 14/03/2023	14.503	1.520	12.983	230
3	Xã Nhơn Hải		3.992	230	3.762	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai					
	Tuyến mương kin dọc đường số 6 xã Nhơn Hải		3.992	230	3.762	230
4	Xã Nhơn Châu		847	230	617	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn					
	Cải tạo Chợ xã Nhơn Châu theo mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm		847	230	617	230
5	HUYỆN PHÙ MỸ		20.540	4.247	16.293	3.680
1	Xã Mỹ Thọ		1.093	230	863	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Số 2(giao thông)					
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Thạnh đến nhà ông Dũng(Chánh Tường)	68/NQ-HĐND ngày 16/05/2023	1.093	230	863	230
2	Xã Mỹ Quang		2.078	347	1.731	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống					
	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch thôn Tân An	Quyết định số 390/QĐ-UBND	1.172	232	940	115
	Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch thôn Trung thành 3	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 02/08/2022	906	115	791	115
3	Xã Mỹ Hiệp		771	230	541	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: giao thông					
	Đường BTXM nội đồng cánh đồng Mầu Lớn thôn Bình Long	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 20/11/2022	771	230	541	230
4	Xã Mỹ Chánh Tây		640	230	410	230



76 MANU

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Bê tông hóa tuyến đường Nam Xã đi Ngõ Kỳ	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	640	230	410	230
5	Xã Mỹ Hòa		723	230	493	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	BTXM phối đồng từ nhà ông Võ Cư đến giáp vô khố chia nước đồng Cây Da	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	723	230	493	230
6	Xã Mỹ Tài		620	230	390	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng BTXM tuyến đường Từ Nõ ông Nghiệp đi Ngõ ông 7 Đồng Mỹ Hội 3	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	620	230	390	230
7	Xã Mỹ An		1.329	230	1.099	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Đường BTXM các nhánh rẽ ĐT632 thuộc thôn Hòa Ninh	QĐ số 13/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	1.329	230	1.099	230
8	Xã Mỹ Lợi		893	230	663	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	BTXM đường từ nhà ông Đào Ba Lý đến xưởng của nhà ông Thanh	QĐ số 110/QĐ-UBND ngày 15/06/2022	893	230	663	230
9	Xã Mỹ Lộc		1.205	230	975	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Tuyến đường từ đập Sét An Bão đến giáp BTXM thôn Tân Lộc		1.205	230	975	230
10	Xã Mỹ Thắng		1.306	230	1.076	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 1: Giao thông					
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Tý đến nhà ông Sắn	QĐ số 290/QĐ-UBND ngày 02/16/2022	1.306	230	1.076	230
11	Xã Mỹ Cát		1.229	230	999	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: Giao thông					
	Đường BTXM từ trục chính của xã đến nhà ông Tài	Quyết định số 110 ngày 28/02/2022	1.229	230	999	230
12	Xã Mỹ Thành		1.200	230	970	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa					

Thư ký

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Xây dựng một hạng mục công trình nhà Văn hóa xã		1.200	230	970	230
13	Xã Mỹ Phong		1.145	230	915	230
b	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí:					
	Nâng cấp mặt đường bê tông, trang trí, nâng cấp mộ, sửa chữa bia ghi danh; nhà quản trang, tường rào công ngõ; nhà văn hóa thôn Mỹ Đức	QĐ số 1280/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh	1.145	230	915	230
14	Xã Mỹ Đức		987	330	657	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí giao thông					
	Tuyến bê tông từ nhà ông Đường đến nhà ông La Quảng	QĐ số 400/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh	987	330	657	230
15	Xã Mỹ Châu		4.337	580	3.757	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1A nhà Ông Bình đến cầu đập Bình (Cầu Đập Đệ)	Số 329 ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh	766	150	616	100
	Tuyến từ ngã ba đường Vạn an -Phù thứ (trà Thung) đến giáp nhà Văn Hóa thôn Châu Trúc	Số 303 ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh	3.571	430	3.141	130
16	Xã Mỹ Trinh		984	230	754	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí:giao thông					
	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường đi vào xóm 1 thôn Trung Hội	Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh	984	230	754	230
6	HUYỆN AN LÃO		1.000	689	311	689
1	Xã An Tân		1.000	689	311	689
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí:giao thông					
	Đường Gò Đồn - Cây Hào		1.000	689	311	689
7	HUYỆN VINH THẠNH		2.299	2.068	231	2.068
1	Xã Vinh Hào		766	689	77	689
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm					
	Thoát nước, chống ngập đọng cục bộ khu vực UBND xã Vinh Hào		766	689	77	689
2	Xã Vinh Quang		256	230	26	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa					
	Sửa chữa nhà văn hóa các thôn		256	230	26	230
3	Xã Vinh Thịnh		1.277	1.149	128	1.149
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					



Handwritten signature and initials.

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Đầu cầu Định Bình đến đường DH29		1.277	1.149	128	1.149
8	HUYỆN HOÀI AN		23.023	12.156	10.867	3.908
1	Xã Ân Phong		3.000	2.120	880	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa					
	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn		3.000	2.120	880	230
2	Xã Ân Hữu		3.850	2.661	1.189	689
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên thôn từ Nhà ông Mai, thôn Liên Hội đi nhà ông Chúng, thôn Hội Nhon		3.850	2.661	1.189	689
3	Xã Ân Nghĩa		1.360	808	552	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Xây dựng mới đường BTXM tuyến bà Vũ đến bãi rác Kim Sơn (nối tiếp)		1.360	808	552	230
4	Xã Ân Tín		4.966	1.481	3.485	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến từ ngã 3 ông Học đến Suối Le (đoạn 2)		4.966	1.481	3.485	230
5	Xã Ân Tường Tây		1.100	530	570	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6 : Cơ sở vật chất văn hóa					
	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn		1.100	530	570	230
6	Xã Ân Đức		780	230	550	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	BTXM tuyến từ đường BTXM Gia Trị đến nhà bà Hiền		780	230	550	230
7	Xã Ân Hảo Đông		1.640	1.073	567	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Đường nhà ông Thơm đến tiếp giáp đường BTXM Bình Hòa Nam		1.640	1.073	567	230
8	Xã Ân Mỹ		1.350	937	413	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					



TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023- 2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	BTXM từ nhà văn hóa thôn Mỹ Thành đến nhà ông Hùng		1.350	937	413	230
9	Xã Ân Thạnh		1.450	937	513	230
b	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm					
	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang xã Ân Thạnh		1.450	937	513	230
10	Xã Ân Hảo Tây		1.977	1.149	828	1.149
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Tuyến từ UBND xã Ân Hảo Tây đến cầu Ân Hảo Tây		1.977	1.149	828	1.149
11	Xã Ân Tường Đông		1.550	230	1.320	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM từ ĐT 631 đến khu sản xuất rau quả		1.550	230	1.320	230
9	HUYỆN VÂN CANH		6.635	5.504	1.131	460
1	Xã Canh Vinh		2.500	1.890	610	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2:Giao thông					
	Nâng cấp đường trục xã từ cầu Bình Long đến nhà văn hóa thôn Bình Long; từ ngã ba Bình Long đến trụ sở thôn Tăng Tiến		2.500	1.890	610	230
2	Xã Canh Hiền		4.135	3.614	521	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí:Giao thông					
	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL 19C đến cầu Hà Thanh thôn Tân Quang	2640/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	1.149	1.034	115	22
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ cầu Hà Thanh đến ngã 3 nhà ông Tùng thôn Thanh Minh	2786/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.152	1.037	115	13
	Bổ sung các đường xã Canh Hiền (tràng mục, QL 19C từ nhà bà Cờ; bà Liễu đi Phụng Chèo; đường lên nghĩa địa thôn Tân Quang)	2640/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	550	495	55	32
	Mở rộng, bê tông hóa đường từ bụi tre nhà ông Ánh đến nghĩa địa nổi dài		500	342	158	115
	Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn					
	XD Nhà vệ sinh nam, nữ (32m2) và BTXM nền sân xung quanh khu vực nhà vệ sinh chợ Canh Hiền	2640/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	401	361	40	24
	Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm					
	Xây dựng hệ thống thoát nước đường từ QL19C đến cầu Hà Thanh thôn Tân Quang	2640/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	383	345	38	24
10	THỊ XÃ AN NHƠN		65.981	7.480	58.501	2.300
1	Xã Nhơn Phong		10.637	937	9.700	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định	427/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	10.637	937	9.700	230
2	Xã Nhơn Mỹ		3.351	230	3.121	230



26 MAY

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6: Kinh tế					
	Nâng cấp các hạng mục chợ trung tâm xã thuộc khu Gò Quanh.	121; 18/04/2022	3.351	230	3.121	230
3	Xã Nhơn Khánh		1.192	230	962	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 6: Văn hoá					
	Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, bê tông xi măng đường vào sân vận động xã Nhơn Khánh	294/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	1.192	230	962	230
4	Xã Nhơn Tân		14.908	230	14.678	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Xây dựng nâng cấp mở rộng giao thông tuyến đường DT.30 Quán Cai Ba đi Hồ Núi I (Đoạn từ trường THCS Nhơn Tân đến nhà ông Thọ Tân Diên)	371/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	14.908	230	14.678	230
5	Xã Nhơn Hậu		3.500	540	2.960	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Mở rộng tuyến đường từ nhà ông Quyền đến nhà bà Thanh		3.500	540	2.960	230
6	Xã Nhơn Phúc		12.172	2.120	10.052	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT.301 tại thôn Thuận - hạng mục: Cổng 8 Hân đến trường Tiểu học Thái Thuận; Trường Tiểu học Thái Thuận đến điểm trường Mầm non Hai Mỏ	207/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	12.172	2.120	10.052	230
7	Xã Nhơn Lộc		1.133	230	903	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 17: Môi trường					
	Xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Anh đến nhà ông Nguyễn Minh Hóa (Đông Lâm)	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 12/02/2022	1.133	230	903	230
8	Xã Nhơn Thọ		1.138	230	908	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Tên dự án: Mở rộng Cầu Kho xóm Thọ Quý, thôn Thọ Lộc 2	Số 100/QĐ-UBND ngày 05/04/2022	1.138	230	908	230
9	Xã Nhơn Hạnh		3.500	613	2.887	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp, mở rộng bê tông XM tuyến đường giáp ĐT.631 (Lộc Thuận, Nhơn Hạnh) đi Dương Thành (Phước Thắng)		3.500	613	2.887	230
10	Xã Nhơn An		14.450	2.120	12.330	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					

Thư ký

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ ngã tư đường mới thôn Háo Đức đến quán Bàu Sáo (Giai đoạn 3)	1074/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	14.450	2.120	12.330	230
11	HUYỆN TÂY SON		30.001	4.798	25.204	2.760
1	Xã Bình Thuận		589	230	359	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	BTXM Tuyến từ cầu sắt đến nhà Phan Thành Phúc	Số 230/QĐ-UBND ngày 07/09/2022	589	230	359	230
2	Xã Tây An		988	230	758	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Đường từ QL19B đến nhà Trường		988	230	758	230
3	Xã Bình Hòa		1.153	230	923	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL19B đến Trường THCS Bình Hòa	số 318 15/11/2022	1.153	230	923	230
4	Xã Tây Xuân		1.009	230	779	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 3: Thủy lợi					
	Kênh mương từ Hồ Hóc Bông đến kênh mương MaZa	Số 306 06/7/2021	378	80	298	80
	Kênh mương tuyến từ ruộng cải tạo 8 Anh đến kênh mương MaZa	Số 305 06/7/2021	200	30	170	30
	Kênh mương từ đường bê tông vào Hòa Nam đến mương MaZa	Số 194 21/9/2022	431	120	311	120
5	Xã Tây Phú		1.674	230	1.444	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Mở rộng BTXM từ nhà Trần Văn Hải đến nhà Chu Quốc Liệu	670 ngày 23/12/22	485	115	370	115
	BTGT từ cầu Hóc La đến ngã tư đường vào Gò Cây	số 20 ngày 10/02/2023	1.189	115	1.074	115
6	Xã Bình Nghi		1.150	230	920	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 3: Kênh mương					
	Từ cống Bờ bao đến mương N1-4	Số 528 ngày 15/11/2022	958	130	828	130
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Đường từ Đất Thiên đến cống giữa Đồng Đất Sét	Số 59 ngày 31/12/2022	192	100	92	100
7	Xã Bình Tân		1.258	230	1.028	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa					

TH MANG

TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn 2023-2025
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động xã Bình Tân	Số 191 ngày 5/7/2022	1.258	230	1.028	230
8	Xã Bình Thành		1.415	230	1.185	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: giao thông					
	Đường từ Gò Me đến Ruộng cải tạo	351/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.415	230	1.185	230
9	Xã Tây Thuận		3.153	230	2.923	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ tỉnh lộ 637 đến dốc 3 Bểng	611/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	1.363	77	1.286	77
	Nâng cấp mở rộng đường mương thoát nước đoạn từ nhà ông Hùng đến kênh thủy điện Tiên Thuận	643/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	1.366	76	1.290	76
	Tiêu chí 3: Thủy lợi					
	Tuyến Kênh Mương đồng cây Đông, đồng Hóc Lẻ	622/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	424	77	347	77
10	Xã Tây Bình		7.333	2.018	5.315	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 02: Giao thông					
	Đường đi An Chánh (Độc tháp Dương Long đến ngã tư xóm 10)	207/QĐ - UBND 07/9/2022	7.333	2.018	5.315	230
11	Xã Tây Vinh		1.442	480	962	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 2: Giao thông					
	Giao thông nội đồng xóm 9B (đoạn Rộc + đoạn Gò Gạch)	439; 12/11/2022	713	350	363	100
	Giao thông nội đồng xóm 13 đoạn trước nhà 2 Hào	346; 28/10/2022	729	130	599	130
12	Xã Bình Tường		8.837	230	8.607	230
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí: 06					
	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Bình Tường	492/QĐ-UBND, 20/11/2022	8.837	230	8.607	230
B	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI		84.648	25.485	59.163	9.175
I	Hỗ trợ huyện Phù Mỹ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		42.510	20.897	21.613	4.587
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí giao thông					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đèo Nhông - Mỹ Thọ		42.510	20.897	21.613	4.587
II	Hỗ trợ huyện Tây Sơn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		42.138	4.588	37.550	4.588
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Tiêu chí 17: Môi trường					

76 mlu



TT	Danh mục công trình	Quyết định đầu tư				
		Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		Kế hoạch vốn 2023- 2025
				Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)		42.138	4.588	37.550	4.588

Trần Văn